

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2025/DS-ST
Ngày: 25/02/2025
V/v tranh chấp “hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Quốc Hoàng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Bờ; Ông Đỗ Sơn Hùng
- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Bà Trương Bảo Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 304/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1970. Địa chỉ: số B, tổ F, khóm V, thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang. (*Vắng mặt*).

Người đại diện hợp pháp của anh Bùi Văn T anh Lê Thịnh V, sinh năm 1976. Địa chỉ: khóm V, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang – Là người đại diện theo ủy quyền. (*Có mặt*).

- Bị đơn: Chị Bùi Kim P, sinh năm 1988. Địa chỉ: số nhà C, khóm V, thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang. (*Vắng mặt*).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trương Thanh P1, sinh năm 1980. Địa chỉ: số nhà C, khóm V, thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang. (*Vắng mặt*).

- Người làm chứng: Bà Bùi Thị N, sinh năm 1956. Địa chỉ: số nhà C, khóm V, thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang. (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản đối chất nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vợ chồng chị P và anh P1 có tham gia chơi 01 dây hui do anh T làm chủ, khai ngày 16/02/2023 âm lịch, loại hui 2.000.000 đồng/tháng có 26 phần, tham gia 03 phần (trong danh sách hui có số thứ tự 3, 4, 5). Ngày 16/5/2023 âm lịch (tức lần khai thứ tư) vợ chồng chị P, anh P1 hốt 01 phần với số tiền 32.500.000 đồng. Ngày 16/6/2023 âm lịch (tức lần

khui thứ năm) hốt thêm 01 phần với số tiền 32.500.000 đồng. Ngày 16/8/2023 âm lịch (tức lần khai thứ bảy) thì hốt phần hui còn lại với số tiền 32.500.000 đồng. Sau khi hốt hui xong thì chị P và anh P1 nhiều lần tránh né chưa châu lại hui chết cho anh T. Tổng số tiền phải châu lại hui chết là 19 lần (tức lần khai hui lần thứ 8 đến lần thứ 26) x 6.000.000 đồng/tháng = 114.000.000 đồng. Do trước đó còn nợ lại 2.000.000 đồng nên tổng số tiền còn nợ là 116.000.000 đồng.

Đến tháng 9 năm 2023 âm lịch trả được 6.000.000 đồng và tháng 10 năm 2023 âm lịch trả thêm được 2.000.000 đồng. Tổng cộng trả được 8.000.000 đồng thì ngưng. Sau đó anh T có gửi đơn cho ban N1, thị trấn V để hòa giải, tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 6/3/2024 và biên bản hòa giải ngày 14/3/2024 anh P1 và chị P có thừa nhận còn nợ lại tiền hui của nhưng đến nay vẫn chưa trả.

Khi khởi kiện anh T yêu cầu chị P phải trả số tiền hui còn nợ 108.000.000 đồng. Sau đó khởi kiện bổ sung yêu cầu anh P1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 108.000.000 đồng vì anh P1 là chồng của P biết việc chị P tham gia hui, số tiền hốt hui nhằm mục đích lo cho gia đình và khi hòa giải tại ban nhân dân khóm anh P1 cũng đồng ý trả cho anh T.

Tài liệu chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện: Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 6/3/2024 và biên bản hòa giải ngày 14/3/2024 của ban N1, thị trấn V, danh sách hui.

** Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.*

Tại phiên tòa

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị Bùi Thị P2 và anh Trương Thanh P1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Bùi Văn T số tiền 108.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:*

Về thẩm quyền giải quyết: Anh Bùi Văn T có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp hui với chị Bùi Kim P và anh Trương Thanh P1, việc tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị P và anh P1 cư trú tại huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Chị P và anh P1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] *Về nội dung giải quyết vụ án:* Anh Bùi Văn T yêu cầu chị Bùi Thị P2 và anh Trương Thanh P1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 108.000.000 đồng.

Tại Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 6/3/2024 và biên bản hòa giải ngày 14/3/2024 của ban N1, thị trấn V chị P2 thừa nhận có tham gia chơi hụi do anh T làm chủ và còn nợ lại lại số tiền 108.000.000 đồng, do con còn nhỏ, mua bán không được nên xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng. Anh Trương Thanh P1 trình bày: “*nợ thì tôi hứa trả, còn trả sao thì tôi không hứa*”. Anh T không đồng ý theo yêu cầu của chị P2 và anh P1.

Căn cứ tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên được sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Xét thấy, giao dịch hợp đồng góp hụi giữa anh T và chị P2, anh P1 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật tại điều 471 Bộ luật Dân sự 2015 và Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 do đó phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Nay chị P2 và anh P1 vi phạm nghĩa vụ của thành viên nên căn cứ vào Điều 16 và Điều 24 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 Hội đồng xét xử xác định yêu cầu khởi kiện của anh T là có cơ sở.

Về trách nhiệm liên đới: Đây là khoản nợ được xác lập trong thời kỳ hôn nhân, mục đích tham gia hụi của chị P2 nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, anh P1 cũng đồng ý trả tiền. Do đó, nguyên đơn yêu cầu chị P2 và anh P1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả tiền là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 27, 30 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Đối với tiền lãi của hụi anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 27 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hụi, bêu, phường;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Bùi Văn T đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Kim P và anh Trương Thanh P1.

Buộc chị Bùi Kim P và anh Trương Thanh P1 cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Bùi Văn T số tiền 108.000.000 đồng (một trăm lẻ tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Bùi Văn T được nhận lại số tiền 2.700.000 đồng (hai triệu, bảy trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009078 ngày 28/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Chị Bùi Kim P và anh Trương Thanh P1 phải chịu 5.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Lưu VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Quốc Hoàng**